

Số: 705/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Mục tiêu:**

a) Mục tiêu tổng quát:

Phân vùng rủi ro thiên tai và cảnh báo thiên tai, đặc biệt là bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu nhằm triển khai có hiệu quả các quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai, khí tượng thủy văn, đề điều và tài nguyên nước.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá mức độ rủi ro đối với các loại hình thiên tai trên lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là các thiên tai có tần suất xuất hiện cao hàng năm như bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn.

- Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai và bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn làm cơ sở đề xuất giải pháp phòng, chống thiên tai và ứng phó với rủi ro thiên tai cho các khu vực.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thiên tai và rủi ro thiên tai.

**2. Phạm vi thực hiện:** Tập trung tại các khu vực thường xuyên xảy ra loại hình thiên tai trên đất liền, vùng biển và hải đảo của Việt Nam.

**3. Nội dung, nhiệm vụ chương trình:**

a) Phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão và nước dâng do bão.

- Thu thập số liệu, tài liệu về áp thấp nhiệt đới, bão, thủy triều, nước dâng do bão và các đặc trưng liên quan.

- Mô phỏng lại các tình huống áp thấp nhiệt đới, bão khi đồ bộ bằng mô hình số để chi tiết cường độ gió, mưa đối với các điểm, vùng không có số liệu đo thực tế.

- Tính toán và phân tích đặc trưng tần suất, cường độ của áp thấp nhiệt đới, bão, mưa cực đại trong 24 giờ, mưa tích lũy của đợt bão, gió mạnh trong bão.

- Điều tra, thu thập số liệu, tài liệu về điều kiện kinh tế, dân cư, cơ sở hạ tầng để xác định mức độ, khả năng thích ứng với áp thấp nhiệt đới, bão và nước dâng do bão.

- Đánh giá tính dễ bị tổn thương của khu dân cư, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội,...khi xảy ra áp thấp nhiệt đới, bão và nước dâng do bão gây ra, nhất là tại khu vực ven biển.

- Đánh giá rủi ro thiên tai áp thấp nhiệt đới, bão và nước dâng do bão.

- Lập bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai áp thấp nhiệt đới, bão và nước dâng do bão (tỷ lệ 1:50.000) cho cấp tỉnh.

b) Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo lũ, ngập lụt.

- Thu thập số liệu cơ bản về lũ, ngập lụt, số liệu địa hình.

- Phân tích, lựa chọn phương pháp tính toán rủi ro do lũ, ngập lụt tại các địa phương và lưu vực sông.

- Xác định nguyên nhân hình thành, diễn biến lũ, ngập lụt tại các lưu vực sông.

- Điều tra, đánh giá phục vụ xác định tính dễ bị tổn thương đối với dân cư, cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông.

- Phân tích, đánh giá rủi ro do lũ, ngập lụt tại các lưu vực sông, nhất là tại các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung.

- Lập bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro do lũ, ngập lụt cho các tỉnh, thành phố.

c) Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo lũ quét, sạt lở đất và sụt lún đất do mưa tại khu vực trung du và miền núi.

- Thu thập số liệu, tài liệu về điều kiện tự nhiên, địa hình, trầm tích, lớp phủ..., hiện trạng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dân cư, cơ sở hạ tầng, công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất và sụt lún đất do mưa.

- Điều tra, khảo sát, xây dựng bản đồ hiện trạng lũ quét, sạt lở đất đá, trượt dòng bùn đá và sụt lún đất.

- Phân tích, đánh giá khả năng xảy ra lũ quét, sạt lở đất đá, trượt dòng bùn đá và sụt lún đất.

- Phân tích, đánh giá tính dễ bị tổn thương, xác định các chỉ số rủi ro do lũ quét, sạt lở đất đá và sụt lún đất do mưa cho khu vực trung du và miền núi.

- Lập bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất đá, trượt dòng bùn đá và sụt lún đất cho khu vực trung du và miền núi.

d) Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn.

- Điều tra, khảo sát thu thập tài liệu, số liệu phục vụ đánh giá rủi ro do nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn.

- Đánh giá diễn biến, xu thế và tác động do nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn ở các vùng sinh thái.

- Mô phỏng, đánh giá tình trạng xâm nhập mặn tại khu vực các cửa sông, ven biển.

- Xây dựng mô hình tính toán, dự báo nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn cho các vùng sinh thái.

- Đánh giá rủi ro do nắng nóng, hạn hán và xâm nhập mặn cho các vùng sinh thái trong điều kiện hiện trạng và do biến đổi khí hậu.

- Xây dựng hệ thống bản đồ hiện trạng, bản đồ rủi ro thiên tai và bản đồ cảnh báo nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn tỷ lệ 1:50.000.

đ) Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai mưa lớn, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối.

- Thu thập số liệu, tài liệu về mưa lớn, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối; phân tích, đánh giá tần suất, cường độ của các loại hình thiên tai trên tại các địa phương.

- Điều tra về điều kiện kinh tế, dân cư, cơ sở hạ tầng để đánh giá năng lực ứng phó với mưa lớn, lốc, sét, mưa đá, rét hại, sương muối.

- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của dân cư, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội,... khi xảy ra các thiên tai trên.

- Xác định tiêu chí, đánh giá mức độ rủi ro.

- Lập bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro do mưa lớn, rét hại, sương muối, lốc, sét, mưa đá.

e) Phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai động đất, sóng thần.

- Thu thập số liệu cơ bản về động đất, sóng thần, số liệu địa hình, địa chất khu vực nghiên cứu; phân tích, đánh giá tần suất, cường độ của các loại hình thiên tai trên cho các địa phương.

- Điều tra, thu thập số liệu, tài liệu về điều kiện kinh tế, dân cư, cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng đối với động đất, sóng thần.

- Đánh giá tính dễ bị tổn thương của dân cư, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội,...khi xảy ra các thiên tai trên.

- Đánh giá mức độ rủi ro do động đất, sóng thần cho các khu vực có nguy cơ.

- Lập bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai do động đất, sóng thần.

g) Tổng hợp, đánh giá và phân vùng rủi ro đa thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu về rủi ro thiên tai.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

- Vận hành, triển khai hệ thống.

- Đánh giá rủi ro đa thiên tai và phân vùng rủi ro đa thiên tai trong điều kiện hiện trạng và biến đổi khí hậu.

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao công nghệ, sản phẩm của Chương trình.

#### **4. Thời gian thực hiện:**

Chương trình được triển khai thực hiện từ năm 2018, thời gian thực hiện cụ thể tùy theo khả năng cân đối, bố trí kinh phí thực hiện; trong đó giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020 tập trung đánh giá, lập bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai đối với một số loại hình thiên tai thường xảy ra, bao gồm áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất đá do mưa.

#### **5. Sản phẩm chủ yếu của Chương trình:**

a) Các báo cáo phân tích, đánh giá; số liệu, cơ sở dữ liệu về thiên tai và rủi ro thiên tai.

b) Bộ bản đồ phân vùng cảnh báo thiên tai, bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai đối với các loại hình thiên tai được nghiên cứu.

#### **6. Kinh phí thực hiện:**

a) Căn cứ nội dung, nhiệm vụ, khối lượng công việc cần thiết và tiến độ triển khai thực hiện Chương trình, đơn giá và chế độ tài chính hiện hành, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo lập dự toán chi tiết đối với mỗi nhiệm vụ cụ thể và phân kỳ hàng năm làm cơ sở tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà

nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ Tài chính trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn kinh phí: Bố trí trong dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương.

## **7. Tổ chức thực hiện:**

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan và các địa phương có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình (trừ điểm e khoản 3 Điều này) và chịu trách nhiệm về hiệu quả của Chương trình.

- Tiếp thu ý kiến các Bộ, cơ quan có liên quan, căn cứ nhiệm vụ, khối lượng công việc cụ thể cần thực hiện, đơn giá và chế độ tài chính hiện hành lập dự toán chi tiết kinh phí thực hiện mỗi nội dung nhiệm vụ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; phân kỳ hàng năm, thực hiện thủ tục thẩm định, phê duyệt theo quy định. Trong quá trình thực hiện cần lưu ý kế thừa các tài liệu, dữ liệu, số liệu điều tra, kết quả nghiên cứu của các Chương trình, Đề án, dự án có liên quan đã được triển khai thực hiện để tránh trùng lặp, lãng phí thời gian, kinh phí.

- Chủ động bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan kiểm tra tiến độ, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo từng năm, báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và chuyển giao kết quả sau khi hoàn thành từng nội dung, nhiệm vụ, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm quyết định triển khai các nội dung, nhiệm vụ tiếp theo bảo đảm khả thi và hiệu quả.

b) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chủ trì, phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện nhiệm vụ “phân vùng rủi ro thiên tai và lập bản đồ cảnh báo thiên tai động đất, sóng thần” tại điểm e khoản 3 Điều này.

c) Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ, cung cấp các tài liệu, kết quả nghiên cứu của các Chương trình, Đề án, dự án có liên quan cho các cơ quan được giao chủ trì thực hiện Chương trình để đảm bảo kế thừa, tiết kiệm, hiệu quả.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các cơ quan liên quan trong triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình; tiếp nhận chuyển giao công nghệ, sản phẩm của Chương trình để phục vụ cho công tác phòng, chống, ứng phó với rủi ro thiên tai tại địa phương.

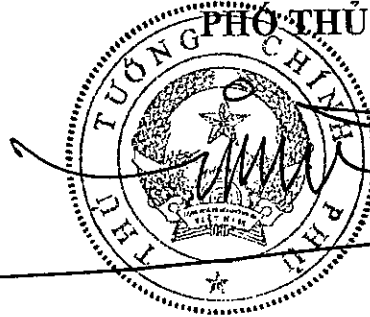
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** .

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, NN&PTNT, GTVT, KH&CN, XD, KH&ĐT, TC;
- Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;
- Ban CĐ Trung ương về phòng chống thiên tai;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, CN, QHDP;
- Lưu: Văn thư, NN. 81

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: **572/SY-UBND**

*Bình Định, ngày 13 tháng 6 năm 2018*

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- LĐVP;
- Lưu: VT (14b).

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHỦ TỊCH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHỦ TỊCH VĂN PHÒNG**



**Lê Nhuận**